TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2026/QĐST-HNGĐ	

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 68/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Vũ Thanh T**, sinh ngày 18/12/1997; Số CCCD: 030097003294, do Cục trưởng Cục CSQLHCVTTXH cấp ngày 25/4/2021; HKTT: Căn 12A06 Toà nhà R, phường H, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn: Bà Lê Hồng X, sinh ngày 29/9/1970 – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Lê X - Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn có yêu cầu phản tố: Chị **Nguyễn Thị Hồng S**, sinh ngày 11/01/1997; Số CCCD: 001197023453, do Cục trưởng Cục CSQLHCVTTXH cấp ngày 11/4/2021; HKTT: thôn XT, xã UH, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Hoàng Ngọc P, sinh ngày 06/01/1971 và ông Phạm Văn L, sinh ngày 14/3/1992 – đều là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư T Anh - Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

3.1. Anh Hoàng Văn M, sinh ngày 09/7/1993; Số CCCD: 036093011298, do Cục trưởng Cục CSQLHCVTTXH cấp ngày 04/4/2021. Nơi ĐKHKTT: xóm TT, xã GP, tỉnh Ninh Bình.

3.2. Chị Khổng Thu H, sinh ngày 26/5/1993; Số CCCD: 036193021904, do Cục trưởng Cục CSQLHCVTTXH cấp ngày 09/8/2021; Nơi ĐKHKTT: xóm 3, xã TL, tỉnh Ninh Bình.

Đều có chỗ ở hiện nay: Căn 12A06 Toà nhà R, phường H, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh M và chị H: Bà Nguyễn Thị N, sinh ngày 06/5/1983 và bà Trần Thị Trâm, sinh ngày 17/12/1983 - đều là Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Levina - Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

3.3. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 10/4/1972; Số CCCD: 001172042594, do

Cục trưởng Cục CSQLHCVTTXH cấp ngày 22/11/2021; HKTT: thôn XT, xã UH, thành phố Hà Nội.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1. Ông Thân Văn T1, sinh ngày 21/3/1983; số CCCD: 030083014695, do Cục trưởng Cục CSQLHCVTTXH cấp ngày 25/4/2021; Nơi ĐKHKTT: 48 L, phường TX, thành phố Hà Nội

4.2. Bà Thân Thị T2, sinh ngày 30/9/1977; Số CCCD: 030177000456, do Cục trưởng Cục CSQLHCVTTXH cấp ngày 04/5/2021; Nơi ĐKHKTT: thôn HX, phường AQ, TP Hải Phòng.

4.3. Ông Nguyễn Thanh S1, sinh ngày 22/5/1966; Số CCCD: 001066016682; do Cục trưởng Cục CSQLHCVTTXH cấp ngày 14/5/2021; HKTT: thôn XT, xã UH, thành phố Hà Nội;

5. Người làm chứng: Chị Vũ Thị T3, sinh ngày 22/5/1994; Số CCCD: 030194000314, do Cục trưởng Cục CSQLHCVTTXH cấp ngày 03/5/2023; HKTT: 181 TKC, phường LTN, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Vũ Thanh T và chị Nguyễn Thị Hồng S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tình cảm: Anh Vũ Thanh T và chị Nguyễn Thị Hồng S thuận tình ly hôn{(Giấy chứng nhận kết hôn số 20, ngày 26/01/2021 tại UBND phường H, quận Hoàng Mai (*nay là phường H*), thành phố Hà Nội giữa anh Vũ Thanh T và chị Nguyễn Thị Hồng S không còn giá trị pháp lý kể từ ngày 28/01/2026}.

2.2. Về con chung: Anh Vũ Thanh T và chị Nguyễn Thị Hồng S có 01 con chung: Vũ Cẩm A, sinh ngày 23/6/2022. Sau ly hôn, giao con chung Vũ Cẩm Anh cho chị S là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị S số tiền 3.000.000đồng/tháng *(Ba triệu đồng),* cụ thể vào ngày 10 hàng tháng và bắt đầu từ tháng 02/2026 cho đến khi con chung khôn lớn, trưởng thành, khỏe mạnh hoặc có yêu cầu mới hoặc có thay đổi khác.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3. Về công sức, công nợ chung: anh T và chị S đều xác nhận không có, đều không đề nghị tòa giải quyết.

2.4. Về tài sản chung: Anh T và chị S có tài sản chung là 01 chiếc xe máy Wave alpha JA392, nhãn hiệu Honda, BKS: 29H2-428.69, số máy JA39E2960901, số khung RLHJA3922NY503514, màu xanh bạc. Sau ly hôn, giao cho anh T được toàn quyền sở hữu, sử dụng đối với 01 chiếc xe máy này.

Ngoài ra, anh T và chị S không có bất cứ tài sản chung nào khác.

2.5. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Thanh H: "Buộc anh T và chị S phải liên đới trả nợ cho vợ chồng bà số tiền 300.000.000đồng (*ba trăm triệu đồng)"*. Anh T và chị S không nợ bất kỳ khoản tiền nào với ông S1 bà H.

2.6. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị Hồng S: "Đề nghị Toà án huỷ hợp đồng chuyển nhượng giữa bên chuyển nhượng là bà Thân Thị T2 và bên nhận chuyển nhượng là ông Hoàng Văn M bà Khổng Thu H được lập ngày 02/5/2024, số công chứng 2206 quyển số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD được lập tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thảo, thành phố Hà Nội; đồng thời đề nghị giải quyết hậu quả giao dịch dân sự vô hiệu".

2.7. Công nhận giao dịch mua bán Căn hộ chung cư số 12A06, tòa nhà R, phường H, quận Hoàng Mai (nay là phường H), thành phố Hà Nội giữa ông Hoàng Văn M và bà Khổng Thu H với bà Thân Thị Thúy (*Hợp đồng mua bán căn hộ nhà chung cư số công chứng 2206, quyển số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD tại VPCC Nguyễn Thảo ngày 02/5/2024*) đã hoàn thành, có hiệu lực pháp luật; anh M vàchị H được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục S tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

2.8. Anh Vũ Thanh T có trách nhiệm hỗ trợ chị Nguyễn Thị Hồng S tổng số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*), trong đó số tiền 500.000.000đồng (*năm trăm triệu đồng*) anh T và chị S đã thanh toán xong cho nhau, còn số tiền 500.000.000đồng (*năm trăm triệu đồng*) được thực hiện theo 02 đợt như sau:

Đợt 1: Chậm nhất đến hết ngày 28/4/2026 anh T thanh toán cho chị S số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*);

Đợt 2: Chậm nhất đến hết ngày 28/6/2026 anh T thanh toán cho chị S số tiền còn lại là 200.000.000đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

Hết ngày 28/6/2026 anh T không thực hiện đúng, đủ nghĩa vụ thanh toán nêu trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chưa thanh toán tương ứng thời gian chậm trả với mức lãi suất 10%/năm.

2.9. Về chi phí tố tụng: chị S, anh T đều tự nguyện chịu toàn bộ phần chi phí tố tụng mình đã nộp, không yêu cầu phải hoàn lại, nên không đặt ra giải quyết.

2.10. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án:

* Chấp nhận sự tự nguyện của anh Vũ Thanh T nộp cả 150.000 đồng án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0011650 ngày 18/3/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện UH, thành phố Hà Nội (nay là: Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 - Hà Nội);

* Anh Vũ Thanh T phải nộp 6.000.000đồng (*Sáu triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền hỗ trợ chị S.

* Chị Nguyễn Thị Hồng S phải nộp 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền được anh T hỗ trợ.

* Chấp nhận sự tự nguyện của anh Hoàng Văn M và chị Khổng Thu H nộp cả 600.000đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) án phí đối với yêu cầu độc lập được chấp nhận, được đối trừ vào 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0043034 ngày 25/4/2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện UH, thành phố Hà Nội (nay là: Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 - Hà Nội);

* Hoàn trả lại bà Nguyễn Thị Thanh H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Hà Nội theo biên lai số 0004384 ngày 15/8/2025.

* Hoàn trả lại chị Nguyễn Thị Hồng S toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng

(*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Hà Nội theo biên lai số 0020938 ngày 23/12/2025.

3. *Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.*

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 12;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thiện